TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HS-ST
Ngày: 11-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Ông Mai Khắc Tiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và điểm cầu thành phần - Hội trường xét xử trực tuyến - Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1996, căn cước công dân số 075096013622 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 20, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (1958) và bà Hoàng Thị T (1967); bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh em và chưa có vợ con; tiền án: Ngày 15/4/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo Bản án số 55/2022/HS-ST, chấp hành xong ngày 19/01/2023; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2024 đến ngày 17/02/2024 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T.

(Có mặt)

2. Đoàn Văn S1 (tên gọi khác: Đ), sinh năm 2000, căn cước công dân số 075200021875 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 9, ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn D (1976) và bà Công Tuyết N (1979); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình hai anh em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị

tạm giữ từ ngày 08/02/2024 đến ngày 17/02/2024 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Huỳnh Công N1, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Ấp I, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Ngọc N2, ông Nguyễn Anh Đ1 và ông Cao Quảng C2 là Cán bộ và Chiến sĩ nghĩa vụ Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 08/02/2024, tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Công an xã H phát hiện bắt quả tang Đoàn Văn S1 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 60B7-883.41 trên đoạn đường gần chùa H có hành vi tàng trữ một túi nylon chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) bỏ trong hộp thuốc Bastos màu đỏ (S1 khai mua của Nguyễn Hoàng A). Tiến hành nhận dạng, khám xét khẩn cấp và làm việc với đối tượng Nguyễn Hoàng A, lực lượng công an thu giữ được một điện thoại di động hiệu Samsung A02 có chứa nội dung tin nhắn trao đổi mua bán ma túy với S1.

Vật chứng thu giữ: Một túi nylon bên trong chứa tình thể màu trắng; một gói thuốc lá hiệu Bastos màu đỏ; một điện thoại Samsung màu xanh; một xe mô tô biển kiểm soát số 60B7-883.41 của Đoàn Văn S1 và một điện thoại di động hiệu Samsung A02 của Nguyễn Hoàng A.

Quá trình điều tra xác định: Do cần tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên Nguyễn Hoàng A và Đoàn Văn S1 bàn nhau góp tiền mua ma túy về để sử dụng và bán lại kiếm lời. Khoảng 18 giờ ngày 08/02/2024, A gọi điện thoại cho đối tượng tên D1 nhà ở xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai để mua số ma túy có giá 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi có ma túy, Anh lấy một nửa ra sử dụng và đưa số ma túy còn lại cho S1 đem đi bán cho đối tượng tên T1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) thì bị bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số 346/KL-KTHS ngày 15/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,9361 gam, loại: Methamphetamine.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 64/CT-VKS.TN ngày 07/5/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S1 từ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng vắng mặt không rõ lý do). Xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có ma túy để sử dụng và có tiền để tiêu xài, Nguyễn Hoàng A và Đoàn Văn S1 đã góp tiền đi mua ma túy để sử dụng và bán lại kiếm lời. Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/02/2024, sau khi mua được ma túy, Anh đưa ma úy

cho S1 đi bán cho đối tượng nghiện thì bị lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ vật chứng là 0,9361 gam, loại: Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Hoàng A và Đoàn Văn S1 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự: "*1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"*. Do đó, Cáo trạng số 64/CT-VKS.TN ngày 07/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Nguyễn Hoàng A và Đoàn Văn S1 về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo*: Xét tính chất của vụ án thấy rằng, tình hình tội phạm ma túy nói chung và trên địa bàn huyện T nói riêng có chiều hướng phức tạp với tính chất ngày càng nghiêm trọng, gây nhức nhối cho xã hội và trở thành nỗi lo của nhiều gia đình. Hậu quả do tệ nạn ma túy gây ra rất nghiêm trọng, làm tổn hại sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc mua và bán ma túy kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

- Đối với bị cáo A: Bị cáo có nhân thân xấu vì đã từng bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo S1: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; riêng bị cáo S1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu đây các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về quyết định hình phạt*:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để các bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

Xét tính chất của vụ án thấy rằng, hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, vì muốn có ma túy để sử dụng và bán để kiếm lời nên cả Anh và S1 đều khai nhận cùng góp tiền mua ma túy nhưng Anh thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực hơn vì A là người khởi xướng, ứng tiền (số tiền 600.000 đồng, S1 chưa góp tiền) và trực tiếp đi mua ma túy. Sau khi có ma túy, Anh lấy một nửa để sử dụng và đưa số ma túy còn lại cho S1 đem đi bán cho T1 để kiếm lời. Do đó, cần xem xét quyết định mức hình phạt của bị cáo A cao hơn bị cáo S1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền…"*. Tuy nhiên, do các bị cáo không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án*:

- Một gói niêm phong số 346/KL-KTHS, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành và một vỏ bao thuốc lá hiệu Bastos màu đỏ không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Một điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của bị cáo A và một điện thoại di động hiệu S2 màu đen của bị cáo S1 là phương tiện các bị cáo liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- Một xe mô tô biển số 60B7-883.41 là tài sản của anh Nguyễn Văn C, theo bị cáo S1 khai đã mượn xe của anh C để thực hiện hành vi phạm tội (đi bán ma túy) nhưng anh C hoàn toàn không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu *(Theo Quyết định xử lý vật chứng số 496/QĐ-ĐKTMT ngày 25/3/2024 và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 29/3/2024)* là phù hợp.

[8] *Các vấn đề khác*: Về nguồn gốc ma túy, theo bị cáo A khai đã mua của một đối tượng tên "D1" tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có công văn phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả nên chưa có căn cứ xử lý.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2024.

- Khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn S1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn S1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2024.

2. *Về vật chứng vụ án*: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy được hoàn lại theo Kết luận giám định số 346/KL-KTHS ngày 15/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ có khối lượng còn lại là 0,8584 gam và một vỏ bao thuốc lá hiệu Basto.

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh (không kiểm tra tình trạng bên trong) và một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A02 (không kiểm tra tình trạng bên trong).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/5/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

3. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng A và bị cáo Đoàn Văn S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CQTHAHS huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang